

鲁迅简介生词

- | | |
|-----------------------|--------------------------------|
| 1. yuánmíng
原 名 | 24. zuòzhě
作 者 |
| 2. zì
字 | 25. fābiǎo
发表 |
| 3. bǐmíng
笔 名 | 26. cóngshì
从 事 |
| 4. yìmíng
艺 名 | 27. chōngmǎn
充 满 |
| 5. shìshì
逝 世 | 28. wǔqì
武器 |
| 6. zhíyè
职 业 | 29. zhàndòu
战 斗 |
| 7. guójí
国 籍 | 30. jí
集 |
| 8. chuàngzuò
创 作 | 31. zhīyī
……之一 |
| 9. tǐcái
体 裁 | 32. diànjīrén
奠 基 人 |
| 10. piān
篇 | 33. kāishān
开 山 |
| 11. shēnkè
深 刻 | 34. jùjiàng
巨 匠 |
| 12. pīpàn
批 判 | 35. wénmíngyúshì
闻 名 于 世 |
| 13. xìng
……性 | 36. xiǎngyǒushèngyù
享 有 盛 誉 |
| 14. dìwèi
地 位 | 37. jiǔfùshèngmíng
久 负 盛 名 |
| 15. dú tè
独 特 | 38. fēishēng
蜚 声 |
| 16. yǐngxiǎng
影 响 | 39. tán
坛 |
| 17. shēnyuǎn
深 远 | 40. duǎnpiān
短 篇 |
| 18. bèiyùwéi
被 誉 为 | 41. chéngjiù
成 就 |
| 19. shìjì
世 纪 | 42. guǎngfàn
广 泛 |
| 20. dōngyà
东 亚 | 43. cānyù
参 与 |
| 21. zhàn
占 | 44. pīpíng
批 评 |
| 22. lǐngtǔ
领 土 | 45. jùyǒu
具 有 |
| 23. zuòjiā
作 家 | 46. gòngxiàn
贡 献 |